



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 29/05/2023 16:16:24 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 9 + 10 + 11

Ngày 26 tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

21/04/2023	Nghị quyết 02 /2023/NQ-HĐND Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	3
21/04/2023	Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên	10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

25/04/2023	Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	15
26/04/2023	Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	19
28/04/2023	Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên	23
25/05/2023	Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND Ban hành Bảng hệ số	40

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

21/04/2023	Nghị quyết 01 /2023/NQ-HĐND Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên	72
------------	---	----

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

10/05/2023	Quyết định 569/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết ...	76
12/05/2023	Quyết định số 576/QĐ-UBND Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hoạt động xây dựng và lĩnh vực kiến trúc thay thế thông tin liên quan đến nơi cư trú bằng mã định danh cá nhân thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của ...	87
23/05/2023	Quyết định số 620 /QĐ-UBND Về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã	92

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2023/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước
để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc
hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc
gia;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-
2025 thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn
ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông
thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /2023/NQ-HĐND ngày 21/4 /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, quyết toán và hưởng thụ nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc ngân sách Nhà nước để thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Một số nội dung và mức hỗ trợ chung

1. Chi công tác phí, tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, sơ kết, tổng kết: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành Quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Chi tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

3. Chi thực hiện các hoạt động điều tra, thống kê: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

4. Chi thuê hội trường, thuê xe, văn phòng phẩm, trang trí và các khoản chi khác không có định mức chi: Theo thực tế phát sinh và phù hợp với chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

Chương II QUY ĐỊNH CÁC NỘI DUNG ĐẶC THÙ

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước

1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên

tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm nước. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn.

a) Nội dung: Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án, chương trình đã phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ:

- Đối với các huyện miền núi, gồm: Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%; ngân sách địa phương (cấp huyện, xã) và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ 30% tổng chi phí thực hiện mô hình.

- Đối với các địa phương cấp huyện còn lại: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%; ngân sách địa phương (cấp huyện, xã) và các nguồn hợp pháp khác hỗ trợ 50% tổng chi phí thực hiện mô hình.

3. Hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.

a) Nội dung: Hỗ trợ tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

b) Mức hỗ trợ:

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức.

- Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.

4. Hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.

a) Nội dung:

- Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT; Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh Phú Yên, cụ thể bao gồm: Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết; hỗ trợ

hạ tầng phục vụ liên kết, hỗ trợ khuyến nông và hỗ trợ dự án liên kết. Trong đó, ưu tiên thực hiện các nội dung hỗ trợ đối tượng liên kết sau:

+ Đào tạo kỹ thuật sản xuất, tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

+ Chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

+ Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

+ Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND và quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

5. Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn.

a) Nội dung hỗ trợ: Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn được thực hiện theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021 – 2030 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn và được quy định chi tiết tại Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh.

6. Đẩy mạnh sản xuất chế biến muối theo chuỗi giá trị.

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình liên kết sản xuất muối theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; mô hình thí điểm sản xuất muối kết hợp du lịch nông thôn, du lịch nghỉ dưỡng; mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối sạch; mô hình sản xuất muối chứa nhiều khoáng chất, vi chất dinh dưỡng tự nhiên theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

b) Xây dựng trang thông tin điện tử giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tuyến; thiết kế mẫu mã sản phẩm, bao bì đóng gói; xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý xuất xứ hàng hóa, bảo hộ sở hữu thương hiệu cho sản phẩm muối ở các địa phương: Hỗ trợ theo điểm e khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC, cụ thể: Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu từ ngân sách Trung ương.

7. Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

a) Nội dung: Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và khoản 1, khoản 2, Điều 16 Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

b) Mức hỗ trợ:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện

các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

+ Hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch. Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

+ Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 30 ngày 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ vốn trực tiếp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh.

+ Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch: Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền (hỗ trợ các sản phẩm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt sản phẩm OCOP 3 sao trở lên): Thực hiện theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

- Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Thực hiện theo quy định tại Điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này.

8. Thúc đẩy chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh.

a) Nội dung: Hỗ trợ thiết kế, sản xuất và lắp biển địa chỉ số đến từng địa chỉ (hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 16 Điều 3, Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND.

9. Triển khai phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”.

Hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các chi Hội, tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nguyên tắc thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 53/2022/TT-BTC và nội dung quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND.

2. Đối với các nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh và các nội dung liên quan khác không được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND và các quy định hiện hành, kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Đối với nguồn kinh phí sự nghiệp địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, xã) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025: Nội dung và mức hỗ trợ thực hiện theo Thông tư số 53/2022/TT-BTC; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND; quy định tại Nghị quyết này và các quy định hiện hành.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới ban hành khi có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Các nội dung, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thực hiện trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được quyết toán theo các văn bản đã có trước đó./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:03/2023/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện
các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc
gia;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực
khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định cơ chế huy động các
nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú
Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định,
giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
CƠ CHẾ HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC KHÁC THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
(Kèm theo Nghị quyết số:03/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 4 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nguyên tắc huy động nguồn vốn

1. Huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác nhằm hỗ trợ, bổ sung thêm nguồn lực cho các hoạt động, chương trình, dự án để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Việc huy động, sử dụng nguồn vốn phải phù hợp với Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, quy định của từng chính sách tín dụng, quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng và các quy định pháp luật liên quan.

3. Việc huy động các nguồn vốn phải được xác định ngay từ bước xây dựng kế hoạch và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội thực tế của từng địa phương.

4. Việc huy động Nhân dân đóng góp phải được thực hiện trên nguyên tắc: Dân chủ, tự nguyện, công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng; dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, có sự tham vấn, lấy ý kiến của người dân. Không huy động đối với hộ nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, gia đình chính sách, đối tượng hưởng trợ cấp xã hội.

5. Phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể trong việc tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Nhà nước để huy động các nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Điều 4. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng.

2. Nguồn vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư (bằng ngày công lao động, tiền, hiện vật) tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Nguồn vốn đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác.

Điều 5. Cơ chế huy động nguồn vốn

1. Huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua chính sách tín dụng cho từng đối tượng, nội dung thuộc phạm vi đầu tư của từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Hàng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định phương án phân bổ kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo phân cấp hiện hành.

- Ngân sách cấp tỉnh bố trí tối thiểu 20 tỷ đồng/năm;
- Thành phố Tuy Hòa bố trí tối thiểu 4,5 tỷ đồng/năm;
- Thị xã Sông Cầu và thị xã Đông Hòa mỗi đơn vị bố trí tối thiểu 3,5 tỷ đồng/năm;
- Các huyện còn lại bố trí tối thiểu 2 tỷ đồng/năm.

2. Huy động nguồn vốn hợp pháp khác

a) Huy động đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Công khai danh mục đầu tư, nội dung đầu tư thuộc đối tượng huy động, tiếp xúc trực tiếp hoặc thư ngỏ với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được huy động để vận động nguồn vốn.

b) Huy động từ cộng đồng dân cư: Tổ chức họp người dân trên địa bàn, thực hiện công khai danh mục, nguồn vốn đầu tư, xác định mức huy động và vận động đầu tư trên nguyên tắc tự nguyện đóng góp; tùy thuộc vào điều kiện thực tế của địa phương đưa ra mức huy động, đóng góp phù hợp.

Điều 6. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động

1. Các khoản đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cộng đồng dân cư tự thống nhất phương thức tiếp nhận và trực tiếp quản lý, sử dụng các khoản đóng góp này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các quy định hiện hành liên quan.

- Đóng góp của người dân có thể bằng tiền hoặc bằng hiện vật, ngày công lao động được quy đổi thành tiền; phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất; không hạch toán vào thu, chi ngân sách Nhà nước.

2. Các khoản đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác (bằng tiền hoặc hiện vật).

a) Đóng góp bằng tiền.

Các khoản đóng góp bằng tiền của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác phải được nộp vào ngân sách Nhà nước nơi huy động và được quản lý thu, chi theo quy định như đối với nguồn ngân sách Nhà nước. Chủ đầu tư thực hiện việc mở sổ kế toán để phản ánh và hạch toán đầy đủ quá trình thu, chi. Trường hợp thu bằng tiền mặt thì cơ quan tiếp nhận phải lập chứng từ thu đầy đủ theo quy định; đồng thời,

phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận.

b) Đóng góp bằng hiện vật.

Căn cứ vào số lượng hiện vật đóng góp, chủ đầu tư thực hiện lập biên bản tiếp nhận và mở sổ sách theo dõi, tổng hợp theo danh sách từng đối tượng đóng góp; thực hiện quy đổi thành tiền phù hợp với đơn giá, định mức theo quy định của Nhà nước đối với số lượng hiện vật đã sử dụng vào công trình để hạch toán, quyết toán vào giá trị công trình, dự án hoàn thành; không hạch toán vào thu, chi ngân sách Nhà nước.

c) Nguồn vốn huy động cho công trình nào thì sử dụng cho công trình đó. Sau khi công trình hoàn thành, các khoản đóng góp chưa sử dụng hết thì được đầu tư cho công trình khác trên cùng địa bàn xã (do chủ đầu tư quyết định). Trường hợp trên địa bàn xã không có công trình nào phù hợp để sử dụng, UBND cấp xã nơi huy động quyết định xử lý phù hợp theo quy định.

Điều 7. Các nội dung khác

Những nội dung khác liên quan không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:13/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHHCN ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“ Điều 2. Sáng kiến cơ sở và điều kiện công nhận sáng kiến

“Sáng kiến cơ sở” là sáng kiến đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 3; khoản 1, 2 Điều 4 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến (sau đây gọi là Nghị định số 13/2012/NĐ-CP) do cơ quan tổ chức quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận.”

2. Sửa đổi khoản 1, 3 và điểm b khoản 4 Điều 4 như sau:

“1. Hội đồng chuyên môn xét đánh giá sáng kiến được thành lập ở cơ sở (gọi tắt Hội đồng chuyên môn) được thành lập như sau:

Hội đồng sáng kiến cơ sở trực tiếp xét đánh giá sáng kiến. Trong trường hợp sáng kiến có liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn phức tạp thuộc ngành giáo dục và đào tạo, khoa học kỹ thuật thì Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Chủ tịch UBND cấp huyện) quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn theo quy định tại khoản 2 điều này. Đối với sáng kiến cơ sở thuộc các ngành còn lại tại các cơ quan, tổ chức thì không thành lập Hội đồng chuyên môn.

3. Hội đồng chuyên môn cơ sở có trách nhiệm tư vấn cho Hội đồng sáng kiến trong việc xét đánh giá các giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 2.

4. Nguyên tắc, chế độ làm việc của Hội đồng chuyên môn

b) Phiên họp của Hội đồng chuyên môn họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng chuyên môn dự họp. Hội đồng chuyên môn xét, đánh giá các giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 2 của Quy định.”

3. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Hội đồng sáng kiến cơ sở

a) Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cơ sở;

b) Bộ phận thường trực Hội đồng sáng kiến cơ sở tại các huyện, thị xã, thành phố là Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng; tại các cơ quan, tổ chức là Văn phòng hoặc bộ phận phụ trách công tác tổ chức, hành chính. Đối với tổ chức không phải là cơ quan nhà nước thì người đứng đầu tổ chức đó quy định;

c) Hội đồng sáng kiến cơ sở gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan, tổ chức, địa phương ra quyết định thành lập Hội đồng. Ủy viên Hội đồng là lãnh đạo của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các đoàn thể có liên quan. Trong đó, ủy viên thuộc bộ phận thường trực Hội đồng sáng kiến cơ sở làm Thư ký Hội đồng.”

4. Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 6 như sau:

“1. Hội đồng sáng kiến cơ sở có trách nhiệm tư vấn cho Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động sáng kiến của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tổ chức xét, đánh giá sáng kiến và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức công nhận sáng kiến theo các điều kiện của quy định.”

5. Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều 7 như sau:

“1. Hội đồng sáng kiến cơ sở làm việc theo nguyên tắc dân chủ, thảo luận công khai và quyết định bằng phiếu kín. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Hội đồng sáng kiến thực hiện chức năng, nhiệm vụ tại khoản 3, 4 Điều 6 Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND.

2. Các thành viên của Hội đồng sáng kiến cơ sở làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến quyết định triệu tập họp định kỳ hoặc đột xuất.

3. Trên cơ sở kết quả xét, đánh giá sáng kiến của các Hội đồng chuyên môn, Hội đồng sáng kiến cơ sở có trách nhiệm xem xét, đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 2.

5. Các thành viên Hội đồng sáng kiến cơ sở phải tham gia đầy đủ các kỳ họp, nếu vắng mặt phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng sáng kiến. Phiếu đánh giá của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị để các thành viên Hội đồng xem xét, tham khảo.

7. Hội đồng sáng kiến cơ sở chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức về kết quả tham mưu, kiến nghị của mình.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 8 như sau:

“a) Chi họp của Hội đồng sáng kiến, Hội đồng chuyên môn xét đánh giá sáng kiến cơ sở thực hiện theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Chi hội nghị sáng kiến theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành Quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Đối với các mức chi không được quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên thì thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cơ sở là Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức.”

8. Sửa đổi khoản 1, khoản 5, khoản 7 Điều 11 như sau:

“1. Tiếp nhận sáng kiến

Thời gian tiếp nhận Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cơ sở theo Phụ lục I, ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng năm 2012 của Chính phủ kiến (sau đây gọi là Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN) do Chủ tịch UBND cấp huyện; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quy định.

5. Chuẩn bị và gửi tài liệu tới các thành viên Hội đồng sáng kiến cơ sở tối thiểu là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc phiên họp.

7. Xét, đánh giá sáng kiến cơ sở thực hiện trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với các cơ quan, tổ chức; không quá 02 tháng đối với UBND cấp huyện kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.”

9. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Công nhận và công bố kết quả sáng kiến cơ sở

1. Công nhận sáng kiến

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cơ sở hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan, tổ

chức ra quyết định công nhận sáng kiến. Sáng kiến cơ sở được công nhận hàng năm.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cơ sở lập theo Phụ lục III, ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, được cấp cho tác giả, đồng tác giả sáng kiến, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (nếu tác giả sáng kiến không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến).

2. Công bố kết quả sáng kiến:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cơ sở có trách nhiệm công bố, công khai kết quả sáng kiến và đăng tải trên công/trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có).”

10. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Đối với các sáng kiến được công nhận ở cơ sở trong các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh chỉ làm cơ sở xét công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thì không áp dụng việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến.”

Điều 2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2; Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 8; Điều 9; khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 1 Điều 11; điểm b khoản 1 Điều 12 Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Trường hợp các Thông tư, Nghị quyết, Quyết định dẫn chiếu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 5 năm 2023./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Tạ Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu
giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH13 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội
về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại các
Tờ trình số 52/TTr-SNN ngày 09 tháng 3 năm 2023; số 77/TTr-SNN ngày 19 tháng
4 năm 2023).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 5 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Tấn Hồ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023
của UBND tỉnh Phú Yên)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cụ thể một số tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2023-2025 phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối với các tiêu chí không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 và các văn bản liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chí thôn thông minh

Thôn thông minh là thôn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

1. Có hạ tầng internet và thông tin di động 3G/4G bao phủ đến các hộ gia đình trong thôn.

2. Có ít nhất 01 điểm phát wifi miễn phí công cộng (tại nhà văn hóa thôn, điểm sinh hoạt cộng đồng).

3. Có ít nhất 01 hệ thống camera giám sát an ninh được lắp đặt tại tuyến đường của thôn.

4. Có ít nhất 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong sản xuất.

5. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu đạt từ 70% trở lên.

6. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của thôn có tài khoản thanh toán điện tử, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt từ 50% trở lên.

7. Có ít nhất 01 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 4. Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội

1. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về sản xuất: Xã được đánh giá là đạt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Xã có liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoặc hợp tác xã nông nghiệp hoạt động đạt hiệu quả cao, gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và phát triển bền vững.

b) Có ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 trong sản xuất.

c) Có ít nhất 01 sản phẩm OCOP được xếp hạng từ 4 sao trở lên hoặc 02 sản phẩm OCOP được xếp hạng 3 sao còn hiệu lực.

d) Xã có vùng sản xuất tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã được truy xuất nguồn gốc, được chứng nhận đạt tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ, VietGAP hoặc tương đương đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về Giáo dục: Xã được đánh giá là đạt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Xã có 100% trường học được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 còn trong thời hạn công nhận theo quy định.

b) Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá xếp loại Tốt.

3. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về Văn hóa:

a) Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn xã tham gia.

b) Mỗi thôn, buôn có ít nhất 01 đội hoặc câu lạc bộ văn hóa - nghệ thuật hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

4. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về du lịch

Xã xây dựng ít nhất 01 sản phẩm du lịch được cung cấp bởi các cá nhân, tổ chức tại địa phương nhằm khai thác các giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội, đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của du khách; phát triển du lịch nông thôn tại địa phương có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới bền vững thông qua việc nâng cao thu nhập, tạo sinh kế cho người dân ở nông thôn, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm đặc sản, nông sản.

5. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về cảnh quan môi trường: Xã được đánh giá là đạt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 6\text{m}^2/\text{người}$.

b) $\geq 80\%$ số hộ gia đình thực hiện tốt 3 sạch, bố trí diện tích trồng cây xanh thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh.

c) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 60\%$.

d) Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp hiệu quả, phù hợp đạt $\geq 50\%$

đ) Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 80\%$.

e) Có ít nhất 10% số ao, hồ trên địa bàn được thực hiện các biện pháp cải tạo cảnh quan, tu bổ nâng cấp về hạ tầng, trồng hoa, trồng cây, bố trí trang thiết bị sinh hoạt cộng đồng.

g) Có quy ước về bảo vệ môi trường với 100% số hộ dân cam kết thực hiện.

h) Có tổ tự quản về bảo vệ môi trường, hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Duy trì ít nhất 01 ngày trong tuần huy động toàn dân tham gia công tác vệ sinh môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp.

6. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về an ninh trật tự

Đạt tiêu chí xã điển hình về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

7. Xã nông thôn mới kiểu mẫu về chuyển đổi số: Xã được đánh giá là đạt khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 60%.

b) Tỷ lệ văn bản đến và văn bản đi của xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ văn bản có tính mật) đạt 100%.

c) Xã có Tổ công nghệ số cộng đồng: Đạt.

d) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu đạt từ 70% trở lên.

đ) Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động của xã có tài khoản thanh toán điện tử, có thể thanh toán được các dịch vụ thiết yếu đạt từ 50% trở lên.

e) Xã có hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông: Đạt.

g) Xã có sử dụng nền tảng số để chỉ đạo, điều hành từ cấp ủy và chính quyền xã đến 100% cán bộ thôn, bản.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban ngành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; căn cứ văn bản hướng dẫn của các bộ ngành liên quan chỉ đạo, thẩm tra, kiểm tra, giúp đỡ các địa phương thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu liên quan đến ngành được quy định tại Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh) thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:15/2023/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 28 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-STNMT ngày 01 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và thay thế Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Tạ Anh Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY ĐỊNH****Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15 /2023/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I**VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quản lý nhà nước về: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo và các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên**

a) Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi, thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm, các chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

c) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và theo phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về tài nguyên và môi trường sau khi được phê duyệt; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường.

4. Quản lý, tổ chức giám định, đăng ký, cấp giấy phép, văn bằng chứng chỉ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

5. Về đất đai

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng nội dung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phê duyệt; tổng hợp, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định hạn mức giao đất, công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự khai phá đất để sản xuất nông nghiệp; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đất đai đối với từng loại đất;

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo thẩm quyền; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên thực hiện việc trưng dụng đất theo quy định;

đ) Thực hiện việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo thẩm quyền và theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, ký hợp đồng thuê đất; lập, quản lý, cập nhật và chỉnh lý hồ sơ địa chính đối với các tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư theo quy định;

e) Tổ chức thực hiện và hướng dẫn kiểm tra việc điều tra đánh giá tài nguyên đất; điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá đất đai; lập, chỉnh lý và quản lý bản đồ địa chính; thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; xây dựng, vận hành hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai;

g) Chủ trì việc tổ chức xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định; lập bản đồ giá đất;

h) Chủ trì việc tổ chức xác định giá đất cụ thể làm căn cứ để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương và tích hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật;

l) Kiểm tra và tổ chức thực hiện việc phát triển quỹ đất; quản lý, khai thác quỹ đất; tổ chức việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

m) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai của địa phương theo quy định của pháp luật.

6. Về tài nguyên nước

a) Lập và tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật; lập và thực hiện kế hoạch điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

b) Khoanh định vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý và thực hiện việc quan trắc tài nguyên nước đối với mạng quan trắc tài nguyên nước của địa phương; xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của địa phương;

d) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; bảo đảm nguồn nước phục vụ cung cấp nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông;

đ) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước và cho phép chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo thẩm quyền; thẩm định hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh, truy thu, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

e) Tổ chức điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo phân cấp; kiểm kê, thống kê, lưu trữ số liệu tài nguyên nước trên địa bàn; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn;

g) Tổ chức điều tra, đánh giá, xác định và trình công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và các sông suối không thuộc danh mục lưu vực sông liên tỉnh, lưu vực sông nội tỉnh mà có hồ chứa hoặc đã được quy hoạch xây dựng

hồ chứa có quy mô khai thác, sử dụng nước thuộc trường hợp phải có giấy phép sử dụng tài nguyên nước;

h) Tổ chức điều tra, đánh giá sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh; công bố nguồn nước không còn sức chịu tải; lập danh mục nguồn nước nội tỉnh; danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp theo quy định;

i) Tổng hợp tình hình khai thác, sử dụng nước, các nguồn thải vào nguồn nước trên địa bàn; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt;

k) Tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; xác nhận về thời gian công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải ngừng khai thác theo thẩm quyền;

l) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong việc phối hợp thực hiện của các cơ quan tham gia điều phối, giám sát đối với lưu vực sông nội tỉnh.

7. Về tài nguyên khoáng sản

a) Khoanh định các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; xác định các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; lập kế hoạch và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên sau khi được phê duyệt;

b) Lập phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của địa phương theo quy định; kịp thời phát hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ Tài nguyên và Môi trường khi phát hiện có thông tin khoáng sản mới; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

c) Tổ chức tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, thu hồi, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ; hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

d) Tổ chức tiếp nhận, tính, thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hồ sơ xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với các mỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

đ) Tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên giải quyết việc khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản đối với các khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã được phê duyệt và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

8. Về môi trường

a) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án; kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; phối hợp kiểm tra, xác nhận hoàn thành toàn bộ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản khi tiến hành thủ tục đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; tổ chức thực hiện hoạt động đăng ký, công nhận, cấp, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận về đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ; thẩm định hồ sơ cấp giấy phép nuôi trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

c) Tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo quy định của pháp luật, gồm: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường; tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động liên tục đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; kiểm tra, giám sát hoạt động quan trắc định kỳ đối với nguồn thải, nguồn ô nhiễm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý theo quy định;

d) Tổ chức thực hiện quản lý chất thải rắn (là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải) sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thu hồi, xử lý các sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tham gia, hướng dẫn, kiểm tra việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất và các hoạt động quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức điều tra, đánh giá, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên; tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức xây dựng phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học lồng ghép vào quy hoạch tỉnh; tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh mục, dự án thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, cảnh quan sinh thái quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; tổ chức biện pháp bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, bảo tồn nguồn gen các loài bản địa, loài có giá trị tại địa phương; quản lý, giám sát hoạt động tiếp cận nguồn gen và tri thức truyền thống gắn với nguồn gen theo quy định của pháp luật; kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; tổ chức kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo đa dạng sinh học, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; tổ chức thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường liên quan đến

đa dạng sinh học cấp tỉnh; lập hồ sơ đề cử công nhận và thực hiện chế độ quản lý các danh hiệu quốc tế về bảo tồn (khu Ramsar, vườn di sản của ASEAN, khu Dự trữ sinh quyển thế giới);

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường, thực hiện quan trắc môi trường, thông tin về chất lượng môi trường, cảnh báo về ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức xây dựng, quản lý dữ liệu, thông tin và xây dựng báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu tổ chức thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên theo quy định của pháp luật;

k) Tổ chức xác định thiệt hại đối với môi trường; yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với môi trường do ô nhiễm, suy thoái gây ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

l) Tổng hợp nhu cầu kinh phí sử dụng nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường hàng năm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, gửi Sở Tài chính đề cân đối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

m) Tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên tổ chức quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương theo phân công và theo quy định của pháp luật;

n) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên huyện trên địa bàn tỉnh và công tác khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật.

9. Về khí tượng thủy văn

a) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng, thủy văn chuyên dùng;

b) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình, thiết bị đo của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng, thiết bị quan trắc, định vị sét do địa phương xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang kỹ thuật công trình khí tượng thủy văn của trung ương trên địa bàn;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai ở địa phương;

đ) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên địa bàn, phạm vi quản lý;

e) Thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ, chấm dứt hiệu lực, thu hồi, cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

g) Tổ chức xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí thuộc địa bàn quản lý;

h) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin khí tượng thủy văn liên quan đến vận hành của chủ các công trình hồ chứa trong thời gian có lũ theo quy định của pháp luật;

i) Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn; thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong các công trình, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc theo thẩm quyền các hoạt động quan trắc, dự báo, cảnh báo và thực hiện các biện pháp phát triển hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

10. Về biến đổi khí hậu

a) Xây dựng, cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý;

c) Thực hiện việc lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

đ) Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp địa phương thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Quản lý hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon; kiểm soát hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính tại địa phương theo quy định của pháp luật và theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

g) Tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, dữ liệu phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hàng năm lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường phục vụ xây dựng báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Tham gia thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

11. Về đo đạc và bản đồ

a) Thẩm định nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện việc đầu tư, xây dựng, vận hành, quản lý, bảo trì, bảo vệ, di dời, hủy bỏ các công trình hạ tầng đo đạc thuộc phạm vi quản lý;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý, cập nhật hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

d) Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; quản lý việc lưu trữ, bảo mật, cung cấp, trao đổi, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

đ) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp, cấp bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; lưu trữ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ, đăng tải thông tin của cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật;

g) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các xuất bản phẩm bản đồ có nội dung và hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, các xuất bản phẩm bản đồ, sản phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật theo quy định;

h) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn; xây dựng báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên hàng năm, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

12. Về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Điều phối tổ chức thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức thực hiện chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quy hoạch không gian biển quốc gia, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường vùng bờ thuộc phạm vi quản lý;

c) Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại, thu hồi Giấy phép nhận chìm ở biển; quản lý việc nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

d) Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định việc giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển; quản lý việc sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên;

đ) Tổ chức thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển; lập hồ sơ và quản lý tài nguyên hải đảo theo quy định;

e) Thực hiện các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, các hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển theo quy định;

g) Tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, thống kê tài nguyên biển và hải đảo theo quy định.

13. Về viễn thám

a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề án, dự án về ứng dụng viễn thám trong điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý;

b) Xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám của địa phương, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp và thống nhất việc thu nhận; thực hiện thu nhận, lưu trữ, xử lý dữ liệu ảnh viễn thám; xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám thuộc phạm vi quản lý của địa phương; gửi bản sao dữ liệu và siêu dữ liệu ảnh viễn thám mua từ nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu ảnh viễn thám quốc gia theo quy định pháp luật;

c) Thẩm định, quản lý chất lượng sản phẩm viễn thám theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm hành lang an toàn kỹ thuật và bảo vệ các công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám trên địa bàn theo quy định pháp luật.

14. Về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tài nguyên và môi trường

a) Tổ chức thu nhận, xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh; tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường;

b) Xây dựng, quản trị, vận hành hạ tầng số, hạ tầng mạng, nền tảng số, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý; thực hiện bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng theo quy định;

c) Tổ chức phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, xây dựng đô thị thông minh, phát triển kinh tế - xã hội;

d) Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý; kết nối với Cổng dịch vụ công Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cổng dịch vụ công quốc gia;

đ) Quản lý, bảo quản tài liệu, tư liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

15. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường đối với công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; thực hiện hợp tác quốc tế về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

17. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

18. Kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

19. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quản lý các hội, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

20. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của các phòng chuyên môn, Văn phòng, Thanh tra thuộc Sở; quản lý về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các tổ chức hành chính thuộc Sở; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; thực hiện bổ nhiệm, chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

21. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, tài chính được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

22. Thực hiện công tác thông tin, thông kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và cơ quan nhà nước cấp trên.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có Giám đốc và có từ 03 đến 04 Phó Giám đốc.

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là người đứng đầu Sở Tài nguyên và Môi trường, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường; thực hiện các chức trách, nhiệm vụ của Giám đốc Sở quy định tại Điều 7 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường là người giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách, chỉ đạo một số mặt công tác của các phòng

chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

đ) Căn cứ quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở theo tiêu chuẩn chức danh do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

e) Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Văn phòng Sở;
- b) Thanh tra Sở;
- c) Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản;
- d) Phòng Biển và Hải đảo;
- đ) Chi cục Bảo vệ môi trường;
- e) Chi cục Quản lý đất đai.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

- a) Trung tâm Phát triển quỹ đất;
- b) Văn phòng Đăng ký đất đai;
- c) Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Biên chế

1. Biên chế công chức trong các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc Sở và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của Sở được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt.

2. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở Tài nguyên và Môi trường phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh, phẩm chất, năng lực, sở trường của công chức, viên chức theo quy định.

Điều 5. Các tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là tổ chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở về công tác thông tin, tổng hợp, điều phối hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường theo chương trình, kế hoạch công tác; các công tác trong nội bộ cơ quan, gồm: Tổ chức cán bộ; pháp chế; cải cách hành chính; cải cách chế độ công vụ, công chức; bình đẳng giới; văn thư, lưu trữ; thi đua

- khen thưởng; tài chính, kế toán, xây dựng đơn giá, phí và lệ phí thuộc lĩnh vực ngành tài nguyên và môi trường; quản lý tài sản và hành chính quản trị.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Văn phòng, không quá 02 Phó Chánh Văn phòng, các công chức và nhân viên.

2. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là tổ chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở tiến hành thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường, phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường chịu sự chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường; chịu sự chỉ đạo về công tác thanh tra và hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường có con dấu riêng để hoạt động.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra và các Thanh tra viên.

3. Phòng Tài nguyên nước và Khoáng sản

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là tổ chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Giám đốc Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước các hoạt động về lĩnh vực thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ khoáng sản và tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, trả lại, cấp lại giấy phép về khoáng sản và tài nguyên nước, chuyển nhượng quyền thăm dò, quyền khai thác khoáng sản và tài nguyên nước; xây dựng giá tính thuế tài nguyên đối với loại khoáng sản chưa có giá tính thuế tài nguyên hoặc phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên theo quy định; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn nghiệp vụ.

4. Phòng Biển và Hải đảo

a) Chức năng, nhiệm vụ: Là tổ chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Giám đốc Sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển và đảo trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức gồm: Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và công chức chuyên môn nghiệp vụ.

Điều 6. Các Chi cục trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chi cục Quản lý đất đai

a) Vị trí, chức năng:

Chi cục Quản lý đất đai là tổ chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, phê duyệt các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án trong lĩnh vực: Quản lý đất đai; giá đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; các hoạt động về lĩnh vực đo đạc, bản đồ và viễn thám.

Chi cục Quản lý đất đai chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chi cục Quản lý đất đai có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở, biên chế, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Hành chính, Tổng hợp và Quy hoạch, Phòng Đăng ký và Quản lý đất đai; Phòng Kinh tế đất Bản đồ và Viễn thám.

Cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn trực thuộc Chi cục: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và công chức chuyên môn nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức của Chi cục Quản lý đất đai do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định trong tổng biên chế công chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi cục Bảo vệ môi trường

a) Vị trí, chức năng:

Chi cục Bảo vệ môi trường là tổ chức trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước các vấn đề về bảo vệ môi trường và các hoạt động về lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Bảo vệ môi trường chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị chuyên môn trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chi cục Bảo vệ môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, có trụ sở, biên chế, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật; có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Tổng hợp và Đánh giá tác động môi trường; Phòng Kiểm soát ô nhiễm và Biến đổi khí hậu.

Cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn trực thuộc Chi cục: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và công chức chuyên môn nghiệp vụ.

c) Biên chế công chức của Chi cục Bảo vệ môi trường do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định trong tổng biên chế công chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất

a) Vị trí, chức năng:

Trung tâm Phát triển quỹ đất là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định thị trường bất động sản; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; phát triển các khu tái định cư; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên đất; đấu giá quyền sử dụng đất; đấu thầu dự án có sử dụng đất; quản lý quỹ đất đã thu hồi, đã nhận chuyển nhượng, đã tạo lập, phát triển và thực hiện dịch vụ trong lĩnh vực bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Trung tâm Phát triển quỹ đất có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Hành chính, Phát triển quỹ đất và Phòng Bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Cơ cấu tổ chức các phòng chuyên môn trực thuộc Trung tâm : Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và người làm việc chuyên môn nghiệp vụ.

c) Số lượng người làm việc của Trung tâm Phát triển quỹ đất do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định trong tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường

a) Vị trí, chức năng:

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ điều tra, quan trắc, phân tích môi trường và thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ cho các tổ chức và cá nhân trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, biển và hải đảo.

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ và Phòng Quan Trắc và Thí nghiệm.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai

a) Vị trí, chức năng:

Văn phòng Đăng ký đất đai là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, có chức năng thực hiện đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng, quản lý, cập nhật, chỉnh lý thống nhất hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai và cung cấp thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Thực hiện các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường; tổ chức thực hiện các dịch vụ công về công nghệ thông tin; kiểm tra, hướng dẫn công tác lưu trữ cho các đơn vị thuộc Sở và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

Văn phòng Đăng ký đất đai có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động; có trách nhiệm quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; có trách nhiệm thực hiện chế độ, chính sách đối với số lượng người làm việc và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành của tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức:

Lãnh đạo Văn phòng: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Đăng ký và Cấp Giấy chứng nhận; Phòng Thông tin - Lưu trữ và Phòng Kỹ thuật địa chính.

Các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố:

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Tuy Hòa;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Sông Cầu;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Đông Hòa;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tuy An;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đồng Xuân;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Sơn Hòa;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Sông Hinh;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Phú Hòa;

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tây Hòa.

Các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại các huyện, thị xã, thành phố là đơn vị hoạch toán phụ thuộc; có con dấu riêng để hoạt động. Chi nhánh có Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và các bộ phận chuyên môn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trên cơ sở chỉ tiêu biên chế công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bố trí, sử dụng công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động của đơn vị phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch, tiêu chuẩn chức danh theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật công chức, viên chức, nhân viên thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước và theo phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện số lượng cấp phó của các tổ chức tham mưu tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc cần sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 620 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 15/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm: 06 thủ tục hành chính; UBND cấp huyện gồm: 04 thủ tục hành chính; UBND cấp xã gồm: 01 thủ tục hành chính (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số:620 /QĐ-UBND ngày 23 /5 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH: 06 TTHC		
1	Giấy phép môi trường:	
1.1	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
1.2	Đối với trường hợp còn lại	30 ngày
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	10 ngày
3	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	15 ngày
4	Cấp lại Giấy phép môi trường	
4.1	+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	15 ngày
4.2.	+ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (<i>trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung</i>);	20 ngày
4.3.	+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; + Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô	30 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
	nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường	
5	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày
6	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	45 ngày
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN : 04 TTHC		
1	Giấy phép môi trường:	
1.1	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu n ổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
1.2	Đối với trường hợp còn lại	30 ngày
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	10 ngày
3	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	15 ngày
4	Cấp lại Giấy phép môi trường	
4.1	+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu n ổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí th ải tự động, liên tục, quan trắc đ ịnh kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
4.2	+ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.	20 ngày
4.3	+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập	30 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
	<p>trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường</p>	
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 TTHC		
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND TỈNH (06 THỦ TỤC)**

1. Thủ tục Cấp Giấy phép môi trường.

1.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời hạn giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định: **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường			10 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Tổ thẩm định, tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (<i>trường hợp thông qua nhưng</i> 	8,5 ngày

		<i>phải chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>).	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở ký duyệt.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập tổ thẩm định, kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			05 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý.	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (<i>hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường</i>)	01 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo cấp Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo Sở.	0,25 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét, ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	0,25 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính

Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:	
15 ngày	

1.2. Trường hợp 2:

- Đối với các trường hợp còn lại.
- Thời hạn giải quyết tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 26 ngày, tại UBND tỉnh: 4 ngày.**
- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện chuyển phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng 	17,5 ngày

		<i>phải chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét.	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định; kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt cấp Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (<i>hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường</i>); trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua.	3,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	03 ngày

Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			30 ngày

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy phép môi trường:

- Đối với trường hợp: Chủ dự án đầu tư, cơ sở có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.

- Thời gian giải quyết tối đa là **10 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 7 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở: - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu Tờ trình, dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	4,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét, ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày

Bước 5	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 6	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét ký duyệt cấp đổi Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 7	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			10 ngày

3. Thủ tục: Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường.

- Đối với trường hợp: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đến cơ quan cấp phép khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở*) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa **15 ngày** (*không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án, cơ 	9,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		sở.	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 5	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 6	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 7	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			15 ngày

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép môi trường

4.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây : không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường			09 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:	7,5 ngày

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Tổ thẩm định, tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			06 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	1,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn	0,5 ngày

		bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	0,5 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	02 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			15 ngày

4.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp: - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (*trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **20 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 17 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<u>Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường</u>			12 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt 	10,5 ngày

		<p>yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/ tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			08 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	3,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn	0,5 ngày

		bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	0,5 ngày
Bước 11	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	02 ngày
Bước 12	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 13	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

4.3. Trường hợp 3:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (*trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **30 ngày** (*không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 26 ngày, tại UBND tỉnh: 04 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại	17,5 ngày

		<p>GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. Hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt cấp lại Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy	3,5 ngày

		phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ) trình lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	3 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

5. Thủ tục: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **50 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 45 ngày, tại UBND tỉnh: 05 ngày.**

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<i>Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>			30 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (viết tắt là báo cáo ĐTM); kiểm tra đã được tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định theo quy định chưa (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật nhà nước); cấu trúc, nội dung báo cáo ĐTM theo quy định:	26 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. + Trong quá trình thẩm định (<i>trong trường hợp cần thiết</i>), tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. + Tổ chức họp thẩm định; + Thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định (<i>kèm theo Biên bản họp</i>). 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình và dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	2,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</i> (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			20 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (<i>sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung</i>) theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì có Văn bản thông báo cho chủ dự án; - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, trình lãnh đạo Chi 	10,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		cục	
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	02 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	04 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			50 ngày

6. Thủ tục: Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **45 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 40 ngày, tại UBND tỉnh: 04 ngày.**

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<u>Giai đoạn: Thẩm hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản</u>			30 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý	0,5 ngày
Bước 2		Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường (viết tắt là phương án PHMT), nội dung và cấu trúc theo quy định: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không	27,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. + Trong quá trình thẩm định, tiến hành các hoạt động: khảo sát thực tế; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. + Tổ chức họp thẩm định; + Thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định (<i>kèm theo Biên bản họp</i>).	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký duyệt tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			15 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án PHMT (<i>sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung</i>) theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án PHMT: - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, có Văn bản thông báo cho chủ dự án; - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án PHMT, trình lãnh đạo Chi cục thông qua.	8,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo	01 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	03 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			45 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (04 thủ tục)

1. Thủ tục: Cấp giấy phép môi trường:

1.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 12 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường			10 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ.	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt;	08 ngày

	nguyên và Môi trường	<p>- Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); thành lập Tổ thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo.</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua).</p>	
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn: Trình cấp Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			05 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	2,0 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có), trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

1.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp còn lại.
- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ

sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 27 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường			25 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (<i>nếu có</i>), biên bản khảo sát thực tế (<i>nếu có</i>); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng văn bản thông báo hoàn thiện (<i>trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>). 	22,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua Quyết định thành lập Tổ thẩm định, tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn 2: Trình cấp giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			05 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày

Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng thông qua	02 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ) trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký duyệt	0,5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ cho tổ chức)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			30 ngày

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy phép môi trường.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **10 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 08 ngày, tại UBND cấp huyện: 02 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở. - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp đổi Giấy phép môi trường trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường 	6,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày

Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có)	02 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày

3. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 13 ngày, tại UBND cấp huyện: 02 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp giấy phép môi trường cho chủ dự án, cơ sở - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua). 	11,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	quả cấp huyện		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép môi trường.

4.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; -Dự án đầu tư, cơ sở đổ nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây : không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 12 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			09 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản và Văn bản thông báo. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp 	07 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<i>thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua).</i>	
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			06 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	2,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét thông qua dự thảo cấp lại Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt cấp lại Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

4.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp: - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; - Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
------------------	-----------------------------	--------------------	--------------------------------

bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **20 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 17 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường			12 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua). 	10 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ kiểm tra, kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ	Giờ hành

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	kết quả cấp huyện	chức, cá nhân	chính
Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			08 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	4,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			20 ngày

4.3. Trường hợp 3:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 27 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: + Đăng tải Công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng Văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua).	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh UBND cấp huyện	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn 2: Trình phê duyệt cấp lại Giấy phép (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông	6,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<i>báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường</i>); trình lãnh đạo Phòng	
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 Thủ tục)

1. Thủ tục tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

- Đối tượng thực hiện: Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải tham vấn
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **15 ngày**
- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu điện và trình cho lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo UBND cấp xã	Giao cán bộ tham mưu, xử lý	0,5 ngày
Bước 3	Cán bộ xã xử lý	Xem xét hồ sơ, tham mưu ý kiến tham vấn dự án trình lãnh đạo UBND cấp xã	11 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã	Xem xét, ký duyệt văn bản ý kiến tham vấn	03 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /2023/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 21 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định, giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 21/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định cụ thể mức hỗ trợ giống để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình và các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan (*sau đây viết tắt là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân*) tham gia chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ

a) Áp dụng Điều 56 Luật Trồng trọt năm 2018; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác (*sau đây viết tắt là Nghị định 94/2019/NĐ-CP*); khoản 5 Điều 6 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Giống cây trồng mua từ các cơ sở sản xuất, buôn bán giống cây trồng thì phải có hồ sơ nguồn gốc lô giống cây trồng theo quy định hiện hành (*gồm: Quyết định công nhận hoặc tự công bố lưu hành giống cây trồng, hóa đơn mua bán*).

c) Giống thủy sản phải đáp ứng các yêu cầu theo khoản 1, Điều 23 Luật Thủy sản và có nguồn gốc từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản đáp ứng các quy định tại khoản 1, Điều 38 Luật Thủy sản và khoản 1, khoản 3, Điều 34 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

2. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Trong cùng một thời điểm, một diện tích trồng có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

b) Diện tích đủ điều kiện hỗ trợ khi đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 3 Quy định này và thực hiện chuyển đổi trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ 3 triệu đồng trên một hecta thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; trong đó diện tích thực hiện chuyển đổi thuộc khu vực III (*khó khăn, đặc biệt khó khăn*) được hỗ trợ bằng 150% mức hỗ trợ chuẩn; thuộc khu vực II được hỗ trợ bằng 120% mức hỗ trợ chuẩn; các khu vực còn lại được hỗ trợ bằng 100% mức hỗ trợ chuẩn.

2. Trên cùng diện tích (cùng một thửa ruộng) hỗ trợ 01 lần trong suốt thời gian thực hiện chính sách.

3. Địa bàn được hỗ trợ theo khu vực II, khu vực III theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ, hình thức hỗ trợ

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% cho các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây viết tắt là cấp huyện*); 50% còn lại ngân sách cấp huyện tự cân đối để thực hiện chính sách này.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Căn cứ dự toán được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Tài chính cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm soát việc thực hiện chính sách đúng quy định.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 569/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc phạm vi và chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 27/TTr-SXD ngày 04/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nhà ở liên quan đến bãi bỏ thành phần hồ sơ về xuất trình sổ hộ khẩu giấy thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng. Chi tiết danh mục thủ tục hành chính và quy trình giải quyết nội bộ có các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Bãi bỏ 05 danh mục thủ tục hành chính (số thứ tự 3,4,5 Mục I; số thứ tự 4,5 Mục III của Phụ lục I) được ban hành kèm theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý chất lượng công trình xây dựng, phát triển

đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, các đơn vị quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên, Ban Quản lý Khu công nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên

Điều 3.Sở Xây dựng có trách nhiệm:

1. Cập nhật thủ tục hành chính được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo đúng quy định.

2. Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo quy định.

Điều 4.Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở LIÊN QUAN ĐẾN BÀI BỎ THÀNH PHẦN HỒ SƠ VỀ
XUẤT TRÌNH SỔ HỘ KHẨU GIẤY THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Kèm theo Quyết số: 569/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG VÀ CỦA UBND TỈNH PHÚ YÊN

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Nhà ở						
1	1.00776 6	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ;
2	1.00776 7	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	45 ngày	- Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ;
3	1.01005	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày		Không	- Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.
4	1.01006	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu	45 ngày		Không	

ST T	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP				
5	1.01007	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG VÀ CỦA UBND TỈNH PHÚ YÊN

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định được công bố	Tên VBQPPL quy định việc điều chỉnh
Lĩnh vực Nhà ở				
1	1.007766	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND Tỉnh	Khoản 1, Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ
2	1.007767	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở	Quyết định số 1611/QĐ-UBND	Khoản 2, Điều 9 Nghị định số

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định được công bố	Tên VBQPPL quy định việc điều chỉnh
		hữu nhà nước	ngày 08/11/2021 của UBND Tỉnh	104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ
3	1.01005	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND Tỉnh	Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ
4	1.01006	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND Tỉnh	Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ
5	1.01007	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của UBND Tỉnh	Khoản 3, Điều 9 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ

PHỤ LỤC
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NHÀ Ở LIÊN QUAN ĐẾN BÃI BỎ THÀNH PHẦN HỒ
SƠ VỀ XUẤT TRÌNH SỔ HỘ KHẨU GIẤY THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN
VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG VÀ UBND TỈNH PHÚ YÊN

I. Danh mục thủ tục hành chính:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết
	Lĩnh vực Nhà ở	
	THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ XÂY DỰNG	
1	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày
2	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	45 ngày
	THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH	
3	Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày
4	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày
5	Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày

II. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính:

1. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (thẩm quyền giải quyết Sở Xây dựng)

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	26 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì	Lãnh đạo phòng	01 ngày

	yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung		
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản.	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

2. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc Sở hữu nhà nước (thẩm quyền giải quyết Sở Xây dựng)

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	26 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng	01 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo cơ quan	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản.	Văn thư	1/2 ngày
Bước 5	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục	1/2 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
		vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

3. Thủ tục giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	28 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở	02 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	1/2 ngày
Bước 5	Kiểm tra, tiếp nhận văn bản Sở Xây dựng trình	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 6	Phân công cho phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh thụ lý	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 7	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; trình Lãnh đạo VP.UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tin cho ý kiến.	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh	8,5 ngày
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	01 ngày
Bước 9	Kiểm tra, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
Bước 10	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Sở Xây dựng	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 11	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày
Bước 12	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm	1/2 ngày

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
		Phục vụ hành chính công tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		45 ngày

4. Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP(thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	28 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở	02 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản trình UBND tỉnh.	Văn thư Sở	1/2 ngày
Bước 5	Kiểm tra, tiếp nhận văn bản Sở Xây dựng trình	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 6	Phân công cho phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh thụ lý	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 7	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; trình Lãnh đạo VP.UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tin cho ý kiến.	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh	8,5 ngày
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	01 ngày
Bước 9	Kiểm tra, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND tỉnh	01 ngày
Bước 10	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Sở Xây dựng	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng đến Trung tâm Phục vụ	Văn thư +Bưu	1/2

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
11	hành chính công tỉnh	điện	ngày
Bước 12	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		45 ngày

5. Thủ tục giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Trách nhiệm xử lý	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ: - Nếu chưa hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung. - Nếu hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy biên nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
Bước 2	Xử lý hồ sơ thủ tục hành chính. Gồm các nội dung:	Phòng chuyên môn Sở phụ trách giải quyết TTHC	
	- Chuyển chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	1/2 ngày
	- Xem xét giải quyết theo nhiệm vụ được giao. Dự thảo kết quả xử lý trình lãnh đạo phòng	Chuyên viên	28 ngày
	- Đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì trình lãnh đạo cơ quan - Không đồng ý với kết quả xử lý của chuyên viên thì yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung	Lãnh đạo phòng chuyên môn Sở	02 ngày
Bước 3	- Đồng ý kết quả xử lý của phòng chuyên môn thì ký duyệt, chuyển bộ phận Văn thư phát hành. - Không đồng ý với kết quả xử lý thì chuyển lại phòng chuyên môn chỉnh sửa, bổ sung.	Lãnh đạo Sở	1/2 ngày
Bước 4	Cho số, vào sổ, phát hành văn bản trình UBND Tỉnh.	Văn thư Sở	1/2 ngày
Bước 5	Kiểm tra, tiếp nhận văn bản Sở Xây dựng trình	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 6	Phân công cho phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh thụ lý	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 7	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh kiểm tra, xử lý; trình Lãnh đạo VP.UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh cho ý kiến.	Phòng chuyên môn VP.UBND tỉnh	8,5 ngày
Bước 8	Kiểm tra hồ sơ, ký trình Lãnh đạo UBND tỉnh	Lãnh đạo VP.UBND tỉnh	01 ngày
Bước	Kiểm tra, ký duyệt văn bản	Lãnh đạo UBND	01

9		tỉnh	ngày
Bước 10	Phát hành văn bản, chuyển kết quả cho Sở Xây dựng	Văn thư VP.UBND tỉnh	1/2 ngày
Bước 11	Chuyển kết quả từ Sở Xây dựng đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư +Bưu điện	1/2 ngày
Bước 12	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân và thu phí, lệ phí (nếu có).	Công chức được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		45 ngày

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 576/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 12 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hoạt động xây dựng và lĩnh vực kiến trúc thay thế thông tin liên quan đến nơi cư trú bằng mã định danh cá nhân thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 12 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 ngày 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 20/TTr-SXD ngày 13/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực hoạt động xây dựng và lĩnh vực kiến trúc thay thế thông tin liên quan đến nơi cư trú như “Ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh dân dân/hộ chiếu/căn cước công dân, địa chỉ thường trú” bằng mã định danh cá nhân thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên(*danh mục kèm theo*).

Điều 2.Sở Xây dựng có trách nhiệm:

1. Cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất

sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. Niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

3. Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính liên quan theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên theo quy định.

Điều 3.Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, sửa đổi các thủ tục hành chính tương ứng theo Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên; Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 4.Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ LĨNH VỰC KIẾN TRÚC THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 567/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Bộ phận cấu thành TTHC có nội dung được sửa đổi)
I	Lĩnh vực kiến trúc					
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008891)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Thông tư số 03/2020/TT-BXD ngày 28/7/2020 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ thiết kế kiến trúc và mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc
2	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc (1.008991)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích - Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn			Đơn đề nghị gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc) (1.008989)	05 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ				Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc
4	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ				Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Bộ phận cấu thành TTHC có nội dung được sửa đổi)
	(1.008990)	sơ hợp lệ				
II	Lĩnh vực hoạt động xây dựng					
5	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (1.009982)	20 ngày	- Trung tâm Phục vụ hành chính công, 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên - Qua dịch vụ bưu chính công ích	300.00 0 đồng/1 chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
6	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (1.009983)	20 ngày	- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tại địa chỉ http:// dichvucong.phuyen. gov.vn	150.00 0 đồng/1 chứng chỉ	- Nghị định 15/2021/NĐC P ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
7	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (1.009928)	20 ngày		150.00 0 đồng/1 chứng chỉ		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
8	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (1.009986)	20 ngày		150.00 0 đồng/1 chứng chỉ		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
9	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	10 ngày		150.00 0 đồng/1 chứng chỉ		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Bộ phận cấu thành TTHC có nội dung được sửa đổi)
	hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng) (1.009984)					dựng
10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp) (1.009985)	10 ngày		Không		Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 620 /QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 2787/QĐ-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường và lĩnh vực tài nguyên nước; sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 15/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm: 06 thủ tục hành chính; UBND cấp huyện gồm: 04 thủ tục hành chính; UBND cấp xã gồm: 01 thủ tục hành chính (kèm theo Danh mục).

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số:620 /QĐ-UBND ngày 23 /5 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH: 06 TTHC		
1	Giấy phép môi trường:	
1.1	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
1.2	Đối với trường hợp còn lại	30 ngày
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	10 ngày
3	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	15 ngày
4	Cấp lại Giấy phép môi trường	
4.1	+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).	15 ngày
4.2.	+ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (<i>trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung</i>);	20 ngày
4.3.	+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; + Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô	30 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
	nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường	
5	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	50 ngày
6	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	45 ngày
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN : 04 TTHC		
1	Giấy phép môi trường:	
1.1	Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu n ổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
1.2	Đối với trường hợp còn lại	30 ngày
2	Cấp đổi Giấy phép môi trường	10 ngày
3	Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	15 ngày
4	Cấp lại Giấy phép môi trường	
4.1	+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu n ổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí th ải tự động, liên tục, quan trắc đ ịnh kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.	15 ngày
4.2	+ Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.	20 ngày
4.3	+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập	30 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện
	<p>trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường</p>	
III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 01 TTHC		
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15 ngày

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND TỈNH (06 THỦ TỤC)**

1. Thủ tục Cấp Giấy phép môi trường.

1.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: Không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời hạn giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định: **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường			10 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Tổ thẩm định, tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (<i>trường hợp thông qua nhưng</i> 	8,5 ngày

		<i>phải chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>).	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở ký duyệt.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập tổ thẩm định, kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			05 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý.	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (<i>hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường</i>)	01 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo cấp Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo Sở.	0,25 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét, ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	0,25 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính

Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:		15 ngày

1.2. Trường hợp 2:

- Đối với các trường hợp còn lại.
- Thời hạn giải quyết tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 26 ngày, tại UBND tỉnh: 4 ngày.**
- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện chuyển phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Hội đồng thẩm định hoặc Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng 	17,5 ngày

		<i>phải chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét.	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định; kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt cấp Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường xử lý	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (<i>hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường</i>); trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua.	3,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	03 ngày

Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			30 ngày

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy phép môi trường:

- Đối với trường hợp: Chủ dự án đầu tư, cơ sở có liên quan đến việc thay đổi trong trường hợp có thay đổi tên dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc chủ dự án đầu tư, cơ sở.

- Thời gian giải quyết tối đa là **10 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 7 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/ tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở: - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu Tờ trình, dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	4,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét, ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày

Bước 5	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 6	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét ký duyệt cấp đổi Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 7	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			10 ngày

3. Thủ tục: Cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường.

- Đối với trường hợp: Chủ dự án đầu tư, cơ sở nộp hồ sơ đến cơ quan cấp phép khi có thay đổi một trong các nội dung cấp phép không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (*trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc thay đổi giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở*) như sau: - Nguồn phát sinh nước thải; lưu lượng xả nước thải tối đa; dòng nước thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải; vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải; - Nguồn phát sinh khí thải; lưu lượng xả khí thải tối đa; dòng khí thải; các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải; vị trí, phương thức xả khí thải; - Nguồn phát sinh và giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung; - Các thay đổi khác.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa **15 ngày** (*không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp điều chỉnh kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp giấy phép môi trường điều chỉnh cho chủ dự án, cơ 	9,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		sở.	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 5	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký duyệt	02 ngày
Bước 6	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường	01 ngày
Bước 7	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			15 ngày

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép môi trường

4.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây : không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 12 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<u>Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường</u>			09 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại Giấy phép môi trường và cấu trúc, nội dung hồ sơ:	7,5 ngày

		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); + Thành lập Tổ thẩm định, tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			06 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	1,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn	0,5 ngày

		bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	0,5 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	02 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian thực hiện, giải quyết thủ tục hành chính:			15 ngày

4.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp: - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; - Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (*trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **20 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 17 ngày, tại UBND tỉnh: 3 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<u>Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường</u>			12 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt 	10,5 ngày

		<p>yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/ tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/ tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	0,5 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			08 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm PVHCC	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	3,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn	0,5 ngày

		bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	0,5 ngày
Bước 11	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	02 ngày
Bước 12	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 13	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

4.3. Trường hợp 3:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (*trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường*) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường; - Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **30 ngày** (*không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép*), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 26 ngày, tại UBND tỉnh: 04 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành hoặc hồ sơ điện tử về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại	17,5 ngày

		<p>GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Sở; Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Hội đồng thẩm định/Tổ thẩm định, tổ chức khảo sát thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. Hoặc thành lập Đoàn kiểm tra; kiểm tra thực tế, Biên bản kiểm tra. + Dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua), trình lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường xem xét. 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt cấp lại Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Giấy	3,5 ngày

		phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Chi cục thông qua	
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ) trình lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	3 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

5. Thủ tục: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **50 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 45 ngày, tại UBND tỉnh: 05 ngày.**

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<i>Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường</i>			30 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (viết tắt là báo cáo ĐTM); kiểm tra đã được tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan thẩm định theo quy định chưa (trừ các dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật nhà nước); cấu trúc, nội dung báo cáo ĐTM theo quy định:	26 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo Chi cục; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. + Trong quá trình thẩm định (<i>trong trường hợp cần thiết</i>), tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. + Tổ chức họp thẩm định; + Thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định (<i>kèm theo Biên bản họp</i>). 	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký Tờ trình và dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo Sở.	2,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</i> (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			20 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM (<i>sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung</i>) theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM: <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt thì có Văn bản thông báo cho chủ dự án; - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, trình lãnh đạo Chi 	10,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		cục	
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo Sở.	02 ngày
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	04 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			50 ngày

6. Thủ tục: Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **45 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Sở: 40 ngày, tại UBND tỉnh: 04 ngày.**

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
<u>Giai đoạn: Thẩm hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản</u>			30 ngày
Bước 1	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ giấy cho gửi bưu điện phát hành về Chi cục Bảo vệ Môi trường để xử lý 	0,5 ngày
Bước 2		<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường (viết tắt là phương án PHMT), nội dung và cấu trúc theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không 	27,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: + Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định. + Trong quá trình thẩm định, tiến hành các hoạt động: khảo sát thực tế; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia. + Tổ chức họp thẩm định; + Thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định (<i>kèm theo Biên bản họp</i>).	
Bước 3	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét ký duyệt tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			15 ngày
Bước 6	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Tiếp nhận hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án PHMT (<i>sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung</i>) theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án PHMT: - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, có Văn bản thông báo cho chủ dự án; - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt thì tham mưu Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án PHMT, trình lãnh đạo Chi cục thông qua.	8,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường	Xem xét thông qua Tờ trình và dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo	01 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		Sở.	
Bước 9	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	01 ngày
Bước 10	Văn phòng UBND tỉnh	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, ký duyệt	03 ngày
Bước 11	Lãnh đạo UBND tỉnh	Xem xét, ký duyệt Văn bản	01 ngày
Bước 12	Công chức của Sở Tài nguyên và Môi trường được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			45 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (04 thủ tục)

1. Thủ tục: Cấp giấy phép môi trường:

1.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; - Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 12 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường			10 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ.	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài	Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt;	08 ngày

	nguyên và Môi trường	<p>- Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); thành lập Tổ thẩm định; dự thảo Biên bản, Văn bản thông báo.</p> <p>- Trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua).</p>	
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn: Trình cấp Giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			05 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	2,0 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có), trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

1.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp còn lại.
- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ

sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 27 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường			25 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (<i>scan</i>) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (<i>nếu có</i>), biên bản khảo sát thực tế (<i>nếu có</i>); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng văn bản thông báo hoàn thiện (<i>trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung</i>) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (<i>trường hợp không thông qua</i>). 	22,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua Quyết định thành lập Tổ thẩm định, tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định, Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Giai đoạn 2: Trình cấp giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			05 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày

Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng thông qua	02 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ) trình lãnh đạo UBND cấp huyện xem xét, ký duyệt	0,5 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ cho tổ chức)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			30 ngày

2. Thủ tục: Cấp đổi Giấy phép môi trường.

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **10 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 08 ngày, tại UBND cấp huyện: 02 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở. - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp đổi Giấy phép môi trường trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường 	6,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký duyệt Tờ trình và thông qua dự thảo cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày

Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt cấp đổi Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có)	02 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày

3. Thủ tục: Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 13 ngày, tại UBND cấp huyện: 02 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ. 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc thay đổi của chủ dự án đầu tư, cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung để bảo đảm đủ căn cứ cho việc cấp phép, tham mưu văn bản thông báo cho chủ dự án và nêu rõ các nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tham mưu cấp giấy phép môi trường cho chủ dự án, cơ sở - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua). 	11,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	quả cấp huyện		
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép môi trường.

4.1. Trường hợp 1:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; -Dự án đầu tư, cơ sở đổ ấu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây : không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Thời gian giải quyết thủ tục tối đa là **15 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 12 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			09 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu các nội dung nêu trên, đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp lại GPMT trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan có liên quan (nếu có); thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định; dự thảo Biên bản và Văn bản thông báo. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường Văn bản thông báo hoàn thiện hồ sơ (trường hợp 	07 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<i>thông qua nhưng phải chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua).</i>	
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Quyết định thành lập tổ thẩm định/tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định.	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			06 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (<i>hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường</i>); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	2,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét thông qua dự thảo cấp lại Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt cấp lại Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

4.2. Trường hợp 2:

- Đối với trường hợp: - Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; - Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
------------------	-----------------------------	--------------------	--------------------------------

bảo vệ nghiêm ngặt hơn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **20 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 17 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường			12 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ 	0,5 ngày
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu, tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua). 	10 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình, thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/tổ kiểm tra, kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ	Giờ hành

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
	kết quả cấp huyện	chức, cá nhân	chính
Giai đoạn: Trình phê duyệt Cấp lại giấy phép môi trường (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			08 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép môi trường thì tham mưu dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường); trình lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thông qua	4,5 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (nếu có); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (nếu có)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết:			20 ngày

4.3. Trường hợp 3:

- Đối với trường hợp: - Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường) gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện việc tăng, thay đổi và chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường;

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **30 ngày** (không bao gồm thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp phép), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. **Thời gian giải quyết TTHC tại Phòng TN&MT: 27 ngày, tại UBND cấp huyện: 03 ngày.**

- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Giai đoạn: Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường			20 ngày
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả kết quả cho cá nhân/tổ chức. - Quét (scan) văn bản đính kèm vào hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công - Chuyển hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc hồ sơ giấy cho Phòng	0,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		TN&MT cấp huyện xử lý hồ sơ.	
Bước 2	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	<p>Nghiên cứu hồ sơ pháp lý có liên quan; rà soát đối tượng cấp lại GPMT và cấu trúc, nội dung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ thẩm định không đạt yêu cầu các nội dung nêu trên thì tham mưu Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân, trình lãnh đạo xem xét, ký duyệt; - Trường hợp hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng tải Công khai báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện; tham mưu Văn bản tham vấn ý kiến cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (nếu có). + Thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, tổ chức khảo sát/kiểm tra thực tế, Văn bản thông báo kế hoạch khảo sát (nếu có), biên bản khảo sát thực tế (nếu có); tổ chức thẩm định. - Tham mưu, trình lãnh đạo Phòng Văn bản thông báo hoàn thiện (trường hợp thông qua có chỉnh sửa, bổ sung) hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường (trường hợp không thông qua). 	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định; trình lãnh UBND cấp huyện	0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Tổ thẩm định/Tổ kiểm tra, kết quả thẩm định	01 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
<i>Giai đoạn 2: Trình phê duyệt cấp lại Giấy phép (Thời gian tổ chức, cá nhân chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i>			10 ngày
Bước 6	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Tiếp nhận lại hồ sơ sau khi tổ chức cá nhân đã chỉnh sửa, bổ sung theo Văn bản thông báo và chuyển hồ sơ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường	0,5 ngày
Bước 7	Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét hồ sơ sau khi chỉnh sửa, bổ sung; trường hợp đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường thì dự thảo Giấy phép môi trường (hoặc Văn bản thông	6,5 ngày

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
		<i>báo trả hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp lại Giấy phép môi trường</i>); trình lãnh đạo Phòng	
Bước 8	Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xem xét ký Tờ trình và thông qua dự thảo Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ (<i>nếu có</i>); trình lãnh đạo UBND cấp huyện.	01 ngày
Bước 9	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Xem xét ký duyệt Giấy phép môi trường hoặc Văn bản trả hồ sơ cho tổ chức (<i>nếu có</i>)	02 ngày
Bước 10	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			30 ngày

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 Thủ tục)

1. Thủ tục tham vấn trong đánh giá tác động môi trường

- Đối tượng thực hiện: Chủ dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải tham vấn
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính tối đa là **15 ngày**
- Quy trình giải quyết nội bộ:

Thứ tự công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)
Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến hoặc nộp trực tiếp, qua dịch vụ bưu điện và trình cho lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Lãnh đạo UBND cấp xã	Giao cán bộ tham mưu, xử lý	0,5 ngày
Bước 3	Cán bộ xã xử lý	Xem xét hồ sơ, tham mưu ý kiến tham vấn dự án trình lãnh đạo UBND cấp xã	11 ngày
Bước 4	Lãnh đạo UBND cấp xã	Xem xét, ký duyệt văn bản ý kiến tham vấn	03 ngày
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.	Giờ hành chính
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.